

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HS-ST
Ngày 24-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Ngọc Ánh, công tác tại: Hội nông dân Phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị;
- Ông Phùng Hải Thủy, công tác tại: Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thuý Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Hoàng V - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2024/HSST ngày 21 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HS ngày 12/4/2024, đối với bị cáo: **Trần Ngọc H**; giới tính: Nam; sinh ngày 04/5/2006 tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: học sinh; con ông Trần Ngọc N, sinh năm 1977 và bà Trần Thị H1, sinh năm 1987, hiện trú tại: thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con đầu; chưa có vợ con; tiền án; tiền sự: Không có;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa:** Bà Lê Thị Thùy L - Trợ giúp viên pháp lý; công tác tại: Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Q;

- **Người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị đơn dân sự:** Ông Trần Ngọc N, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, có mặt;

- **Bị hại:**

+ Chị Hồ Thị Thùy N1, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt;

+ Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt;

+ Anh Trần Hữu T1, sinh năm 2005; địa chỉ: Thôn H, xã G, huyện G,

tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 12 phút ngày 06/7/2023, Trần Ngọc H (không có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe mô tô Honda AirBlade, biển kiểm soát: 74B1 – 280.18 (*thuộc sở hữu của ông Trần Ngọc N, trú tại: thôn H, xã G, huyện G, là bố của H*) chở bạn là Trần Hữu T1 lưu thông trên đường H hướng từ đường T đi đường L. Cùng thời điểm này, tại khu vực đường H, trước quán B (số A đường H, Phường E, thành phố Đ), chị Hồ Thị Thùy N1 cũng điều khiển xe mô tô hiệu Honda Lead, biển kiểm soát: 74G1 – 217.85 chở chị Nguyễn Thị Kiều T đi từ quán B chuyển hướng từ phần bên phải đường H cùng hướng đi của H sang phần đường ngược chiều theo hướng di chuyển và gần như vuông góc với trục đường H, mục đích để quay đầu xe. Do chạy nhanh, thiếu chú quan sát phía trước nên H đã tông vào xe mô tô biển kiểm soát: 74G1 – 217.85 do chị N1 điều khiển dẫn đến tai nạn giao thông.

- Tại Bản kết luận giám định số: 245/KLTTCT-TTPY ngày 17/8/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Q kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Hữu T1 tại thời điểm giám định là **12%**.

- Tại Bản kết luận giám định số: 246/KLTTCT-TTPY ngày 16/8/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Q kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Ngọc H tại thời điểm giám định là **22%**.

- Tại Bản kết luận giám định số: 485-23/KLTTCT-GDPY ngày 17/10/2023 của Trung tâm giám định y khoa pháp y tỉnh T kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của chị Hồ Thị Thùy N1 tại thời điểm giám định là **66%**.

- Tại Bản kết luận giám định số: 436-23/KLTTCT-GDPY ngày 25/9/2023 của Trung tâm giám định y khoa pháp y tỉnh T kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị Kiều T tại thời điểm giám định là **25%**.

Tại Bản kết luận giám định số 838/KL-KTHS ngày 29/8/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q đối với giám định cơ học trong vụ tai nạn giao thông:

- Vị trí va chạm đầu tiên giữa xe mô tô biển kiểm soát: 74B1 – 280.18 và xe mô tô biển kiểm soát: 74G1 – 217.85 là: Mặt lăn bánh trước xe mô tô biển kiểm soát: 74B1 – 280.18 va chạm vào ốp nhựa bàn để chân trước bên trái xe mô tô biển kiểm soát: 74G1 – 217.85.

Xe mô tô biển kiểm soát: 74B1 – 280.18 va chạm vào xe mô tô biển kiểm soát: 74G1 – 217.85 theo hướng từ trái sang phải.

- Vị trí va chạm đầu tiên giữa xe mô tô biển kiểm soát: 74B1 – 280.18 và xe mô tô biển kiểm soát: 74G1 – 217.85 tại hiện trường là: Khu vực phía trước điểm đầu các dấu vết ký hiệu số (2), (6) được ghi nhận và mô tả trong hồ sơ khám nghiệm, trên phần đường theo chiều đi từ Tôn Thất T2 đến L.

- Không có cơ sở xác định tốc độ của xe mô tô biển kiểm soát: 74B1 – 280.18 và xe mô tô biển kiểm soát: 74G1 – 217.85 tại thời điểm xảy ra tai nạn giao thông.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 58/KL-HĐĐGTS ngày 18/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố Đ kết luận:

- Giá trị thiệt hại của xe mô tô biển kiểm soát: 74B1 - 280.18 trong vụ tai nạn giao thông là: 8.080.500 đồng.

- Giá trị thiệt hại của xe mô tô biển kiểm soát: 74G1 – 217.85 trong vụ tai nạn giao thông là: 3.536.610 đồng.

Vật chứng thu giữ và tài sản tạm giữ: Quá trình điều tra thu giữ:

- 01 xe mô tô Honda AirBlade, biển kiểm soát: 74B1 – 280.18, màu sơn: Xanh xám đen, số máy: FK41E0191522, số khung: RLHFK4100NZ600243.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 74 004077, của xe mô tô biển kiểm soát: 74B1 – 280.18, tên chủ xe: Trần Ngọc N.

- 01 xe mô tô Honda Lead, biển kiểm soát: 74G1 – 217.85, màu sơn: Bạc, số máy: JK12E0861907, số khung: RLHJK1218PZ602757.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 74 000315, của xe mô tô biển kiểm soát: 74G1 – 217.85, tên chủ xe: Hồ Thị Thùy N1.

- Giấy phép lái xe hạng A1, số: 451207001752, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Q cấp ngày 13/7/2020 cho Hồ Thị Thùy N1.

- File video camera tại quán B ghi nhận hình ảnh liên quan đến vụ tai nạn giao thông.

Tại Bản Cáo trạng số 34/CT-VKSDH ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà đã truy tố bị cáo Trần Ngọc H về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 36; Điều 91 và Điều 100 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc H từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Về trách nhiệm dân sự: Các bên đã thoả thuận và bồi thường xong phần dân sự không ai có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra , Cơ quan điều tra đã ra các quyết định xử lý vật chứng trả lại các chủ sở hữu, không ai có yêu cầu gì nên không xem xét.

Người bào chữa bào chữa cho bị cáo: Việc truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề xuất của Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91 và Điều 100 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc H ở mức khởi điểm theo đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố và xét xử, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, phù hợp với kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, cụ thể: Vào khoảng 21 giờ 12 phút ngày 06/7/2023, Trần Ngọc H điều khiển xe mô tô có dung tích xilanh 149.3cm³ tham gia giao thông nhưng không có giấy phép lái xe hạng A1, chở theo Trần Hữu T1 tham gia giao thông trên đường H nhưng thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong trường hợp gặp chướng ngại vật và qua vực đông dân cư, nên H đã để cho xe mô tô do mình điều khiển tông vào xe mô tô biển kiểm soát: 74G1-217.85 do chị Hồ Thị Thùy N1 điều khiển chở chị Nguyễn Thị Kiều T đang chuyển hướng ngang qua đường, gây nên tai nạn giao thông. Hậu quả: Chị Hồ Thị Thùy N1 thương tích 66%, chị Nguyễn Thị Kiều T thương tích 25%, anh Trần Hữu T1 thương tích 12%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của 03 người là 103%; xe mô tô biển kiểm soát: 74G1 - 217.85 hư hỏng thiệt hại tài sản trị giá 3.536.610 đồng. Hành vi của bị cáo đã vi phạm Khoản 9 Điều 8; Điều 12 Luật giao thông đường bộ là: “*Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định*” và “*Không tuân thủ quy định về tốc độ xe*

chạy trên đường; không giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình”; Điều 5 Thông tư 31/2019 TT-BGTVT của Bộ G quy định các trường hợp phải giảm tốc độ: “Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau: Qua khu vực đông dân cư”. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung: “Không có giấy phép lái xe theo quy định”. Điều luật quy định: “1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định ...”

[3] Về tính chất hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây thiệt hại về sức khỏe của nhiều người, làm cho những người khi tham gia giao thông hoang mang lo lắng nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại; các bị hại đều xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố của bị cáo nhiều lần được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T3 “Bằng khen” và danh hiệu “Điển hình tiên tiến”. Trong vụ tai nạn này, bị hại là chị Hồ Thị Thùy N1 cũng có lỗi: Chuyển hướng sang trái nhưng không có tín hiệu rẽ trái, quay đầu xe ở khu vực không được quay đầu gây trở ngại cho người và phương tiện khác là một phần nguyên nhân dẫn đến tai nạn, gây thương tích cho chị Nguyễn Thị Kiều T, anh Trần Hữu T1 và bị cáo, tổng tỷ lệ thương tật 59%. Trong đó bị cáo bị tổn thương sức khỏe đến 22%. Do đó, cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, hiện đang là học sinh, nên cần xem xét cho bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dưới 18 tuổi, phạm tội rất nghiêm trọng với lỗi vô ý nên cần áp dụng Điều 91; Điều 100 Bộ luật Hình sự để xem xét về hình phạt cho bị cáo theo chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có cơ hội

tiếp tục học tập, tìm kiếm nghề nghiệp cho bản thân, cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho bị cáo.

Bị cáo sử dụng xe mô tô Honda AirBlade, biển kiểm soát: 74B1 – 280.18 là tài sản của ông Trần Ngọc N nhưng ông N không biết nên không xem xét trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Đối với chị Hồ Thị Thùy N1 có hành vi vi phạm Luật Giao thông đường bộ nhưng gây ra thương tích 59% và hư hỏng tài sản: 8.080.500 đồng, chưa đủ yếu tố cấu thành tội để truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã chuyển hồ sơ đến Đội Cảnh sát giao thông trật tự Công an thành phố Đ đề nghị xử lý vi phạm hành chính đối với Hồ Thị Thùy N1 là đúng quy định.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Bố mẹ bị cáo và các bị hại đã thoả thuận và đã bồi thường cho người bị hại Hồ Thị Thùy N1 số tiền 105.000.000 đồng. Trong đó, chi phí điều trị 65.000.000 đồng, hỗ trợ chi phí khác 40.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Kiều T 12.000.000 đồng. Trần Hữu T1 không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Chị Hồ Thị Thùy N1 cũng đã bồi thường cho Trần Ngọc H: 35.000.000 đồng. Nay các bên không ai có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về xử lý vật chứng vụ án và giấy tờ tạm giữ*: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Hồ Thị Thùy N1 01 xe mô tô Honda Lead, biển kiểm soát: 74G1 – 217.85 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 74 000315 của xe mô tô biển kiểm soát 74G1-217.85. Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần Ngọc N 01 xe mô tô Honda AirBlade, biển kiểm soát: 74B1 – 280.18 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 74 004077 của xe mô tô biển kiểm soát 74B1-280.18. Không ai có yêu cầu gì nên không xem xét.

Đối với Giấy phép lái xe hạng A1, số: 451207001752, do Sở giao thông vận tải tỉnh Q cấp ngày 13/7/2020 cho Hồ Thị Thùy N1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã chuyển đến Đội Cảnh sát giao thông trật tự Công an thành phố Đ cùng với hồ sơ đề nghị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Ngọc H** phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 36; Điều 91; Điều 100 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Trần Ngọc H: 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ**. Thời hạn cải tạo

không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện G, tỉnh Quảng Trị nhận quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Ngọc H cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị giám sát và giáo dục trong thời gian giám sát và giáo dục trong thời gian bị phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã G, huyện G trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Trần Ngọc H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:*

- Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP Đông Hà;
- Công an TP Đông Hà;
- UBND xã Gio Châu;
- Thi hành án hình sự;
- Sở tư pháp;
- Chi cục THADS TP Đông Hà;
- Bị cáo; ĐDHP của bị cáo;
- Người bào chữa;
- Các bị hại;
- Lưu: HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Xuân Hương